

Balance Sheet - Interims

as of given period ended

Actg Item -Eng	All Figures are in Millions of VND						Actg Item - Local
	Mar-08	Dec-07	Sep-07	Jun-07	Mar-07	Dec-06	
Accounts receivable	0.00	0.00	32822.51	0.00	50690.86	33316.30	Phải thu của khách hàng
Cash	12135.06	18045.65	6960.16	17463.42	5132.15	4958.02	Tiền
Construction work in progress	0.00	184684.06	239.86	22.17	20.26	1430.24	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
Current Assets	253832.57	0.00	210667.55	294204.89	100489.71	86746.43	Tài sản ngắn hạn
Current liabilities	103169.29	127768.80	26551.09	100394.39	57888.33	44661.80	Nợ ngắn hạn
Equity	0.00	0.00	289700.55	0.00	75519.82	68166.94	Vốn chủ sở hữu
Fixed assets	42935.34	46594.47	34073.53	30947.58	24472.85	24472.37	Tài sản cố định
Funds	0.00	0.00	0.00	5273.00	0.00	5273.00	Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Intangible fixed assets	7312.86	7312.86	2.35	9.39	16.43	23.48	Tài sản cố định vô hình
Inventories	36236.06	32287.45	25750.06	12622.85	17699.39	21227.38	Hàng tồn kho
Liabilities	103206.85	127819.04	27444.51	101253.32	58831.30	45593.77	NỢ PHẢI TRẢ
Long-term financial investments	198361.34	184165.89	74166.57	59621.76	8935.96	4535.96	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn
Long-term liabilities	37.56	50.25	0.00	858.92	942.97	931.97	Nợ dài hạn
Other current assets	2413.00	3452.90	2961.07	3537.02	2967.30	3244.74	Tài sản ngắn hạn khác
Other long-term investment	194357.88	184165.89	74166.57	2661.72	2687.71	1918.36	Đầu tư dài hạn khác
Owners' equity	393790.76	287597.36	290937.88	286182.63	77754.92	72079.34	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU
Paid-in capital	0.00	0.00	62999.99	0.00	33000.00	33000.00	Vốn đầu tư của chủ sở hữu
Retained earning	0.00	0.00	0.00	1756.00	16366.85	9013.97	Lợi nhuận chưa phân phối
Short term investments	101065.12	25325.12	80000.00	137700.00	24000.00	24000.00	Đầu tư ngắn hạn
Surplus capital	0.00	0.00	194685.36	0.00	20879.96	20879.96	Thặng dư vốn cổ phần
Tangible fixed assets	35602.22	25473.78	33831.33	30916.02	24436.16	23018.66	Tài sản cố định hữu hình
Total Assets	496997.61	417329.43	320268.72	387435.94	136586.22	117673.12	TỔNG CỘNG TÀI SẢN
Total Liabilities and Owner's Equity	496997.61	417329.43	1237.33	387435.94	136586.22	117673.12	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN